

Số: 77/2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVIII, KỶ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 424/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số 454/BC-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h; Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài); Hội đồng/Ban in sao đề thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài); Trưởng ban vận chuyển đề thi và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi; Ban Chỉ đạo thi (Trưởng ban, Phó Trưởng ban thường trực, Phó Trưởng ban, Ủy viên, Thư ký, nhân viên phục vụ); Hội đồng thi (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên); Ban Thư ký Hội đồng thi (Trưởng ban; Phó Trưởng ban; Ủy viên); Hội đồng/Ban coi thi (Chủ tịch/Trưởng ban; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực; Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban; Trưởng điểm thi, Phó Trưởng điểm thi; Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát; công an bảo vệ đề thi, bài thi; công an, bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, y tế); Ban/Tổ làm phách (Trưởng ban/Tổ trưởng, Phó Trưởng ban/Tổ phó, Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên y tế); Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi (Chủ tịch/Trưởng ban, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực, Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an bảo vệ bài thi, công an, bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, y tế); Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm, Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm (Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, công an bảo vệ bài thi, công an, bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, y tế); Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra (Trưởng đoàn/Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra, Phó Trưởng đoàn/Tổ phó thanh tra/kiểm tra, thư ký Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra, thanh tra viên độc lập, thành viên Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra): Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh như Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh,
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.

g

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**MỨC CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN CỦA
CÁC HỘI ĐỒNG/BAN/TỔ/ĐOÀN THAM GIA TỔ CHỨC CÁC KỶ THI,
CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh)

1. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia, Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Coi thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
1	Hội đồng/Ban ra đề thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ngày	540 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	480 000
	c) Ủy viên, Thư ký	Đồng/người/ngày	420 000
	d) Bảo vệ vòng trong (24/24giờ)	Đồng/người/ngày	320 000
	đ) Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	200 000
2	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	380 000
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	320 000
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ ngày	200 000
	e) Trưởng ban vận chuyển đề thi	Đồng/người/ ngày	480 000
	g) Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Đồng/người/ ngày	320 000
3	Ban Chỉ đạo thi		
	a) Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	600 000
	b) Phó Trưởng ban thường trực	Đồng/người/ ngày	540 000
	c) Phó Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	d) Ủy viên	Đồng/người/ ngày	420 000
	đ) Thư ký	Đồng/người/ ngày	360 000
	e) Nhân viên phục vụ	Đồng/người/ ngày	200 000
4	Hội đồng thi		
	a) Chủ tịch	Đồng/người/ ngày	540 000
	b) Phó Chủ tịch	Đồng/người/ ngày	480 000

TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
	c) Ủy viên thường trực	Đồng/người/ ngày	420 000
	d) Ủy viên	Đồng/người/ ngày	360 000
5	Ban thư ký của Hội đồng thi		
	a) Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó trưởng ban	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Ủy viên	Đồng/người/ ngày	380 000
6	Hội đồng /Ban coi thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Đồng/người/ ngày	390 000
	d) Trưởng điểm thi	Đồng/người/ ngày	430 000
	đ) Phó Trưởng điểm thi	Đồng/người/ ngày	390 000
	e) Ủy viên; thư ký; cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Đồng/người/ ngày	330 000
	g) Công an bảo vệ đề thi, bài thi	Đồng/người/ ngày	320 000
	h) Công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên phục vụ, y tế.	Đồng/người/ ngày	200 000
7	Ban/Tổ làm phách		
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người/ ngày	480 000
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	380 000
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ ngày	320 000
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên y tế	Đồng/người/ ngày	200 000
8	Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi		
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	540 000
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Đồng/người/ ngày	480 000
	c) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	420 000
	d) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Đồng/người/ ngày	340 000
	đ) Công an bảo vệ bài thi	Đồng/người/ ngày	320 000
	đ) Công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên phục vụ, y tế	Đồng/người/ ngày	200 000
9	Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm, Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm		
	a) Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	540 000
	b) Phó Trưởng ban	Đồng/người/ ngày	420 000
	c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Đồng/người/ ngày	340 000

TT	Chức danh	Đơn vị tính	Mức chi
	d) Công an bảo vệ bài thi	Đồng/người/ ngày	320 000
	d) Công an, bảo vệ vòng ngoài; nhân viên phục vụ, y tế	Đồng/người/ ngày	200 000
10	Đoàn/Tổ thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau thi (thành viên Đoàn/Tổ thanh tra không phải công chức thanh tra chuyên ngành)		
10.1	Chuẩn bị tổ chức thi; coi thi; làm phách; vận chuyển đề thi, bài thi; Ra đề thi; In sao đề thi		
	a) Trưởng đoàn/Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	480 000
	b) Phó Trưởng đoàn, Tổ phó thanh tra/kiểm tra	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Thư ký Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra	Đồng/người/ ngày	380 000
	d) Thanh tra viên độc lập	Đồng/người /ngày	380 000
	đ) Thành viên Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	330 000
10.2	Chấm thi/Chấm phúc khảo/Chấm thẩm định		
	a) Trưởng đoàn/Tổ trưởng thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	540 000
	b) Phó trưởng đoàn, Tổ phó thanh tra/kiểm tra	Đồng/người/ ngày	430 000
	c) Thư ký Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra	Đồng/người/ ngày	380 000
	d) Thanh tra viên độc lập	Đồng/người /ngày	380 000
	đ) Thành viên Đoàn/Tổ thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	330 000
11	Thành viên Đoàn/Tổ thanh tra là công chức thanh tra chuyên ngành	Thực hiện theo Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với công chức thanh tra chuyên ngành	

2. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông: Căn cứ khả năng nguồn kinh phí và tình hình thực tế, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 90% mức chi quy định tại mục 1 Phụ lục này.

3. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 66/2022/NQ-HĐND: Căn cứ khả năng nguồn kinh phí và tình hình thực tế thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cụ thể nhưng tối đa không vượt quá 70% mức chi quy định tại mục 1 Phụ lục này./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

5